

GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ THUYẾT TIẾNG NGA TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

TS. Đinh Thị Thu Huyền

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG HN

Email: thuhuyenkn@yahoo.com

Tóm TẮT

Nâng cao chất lượng đào tạo là một bài toán học búa, mà lời giải đòi hỏi phải được tìm kiếm, chất lượng ở mọi cấp độ, khía cạnh, thành tố của quá trình dạy-học. Một trong những biện pháp hứa hẹn có thể phần nào cải thiện chất lượng dạy-học trong điều kiện hiện nay tại Khoa NN&VH Nga, Trường ĐHNN - ĐHQGHN là tăng tính liên kết với các môn học khác trong chương trình đào tạo. Hướng đi này vài năm gần đây đang được bộ môn Ngôn ngữ Nga theo đuổi trong việc giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Nga cho sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4.

Повысить качество обучения – один из самых сложных проблем, решение которого нужно искать во всех аспектах процесса обучения. В этом отношении увеличение степени интегрированности преподаваемых дисциплин, их связи друг с другом кажется перспективным направлением, по крайней мере для повышения качества преподавания базовых курсов по разделам современного русского языка на третьем и четвертом курсах факультета русского языка и русской культуры Института иностранных языков при ХГУ.

Từ khóa: *giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Nga, tính liên môn, ngữ âm, cấu tạo từ, hình thái học*

Trong Chương trình đào tạo các ngành học do Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga (Khoa NN&VH Nga), Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường ĐHNN – ĐHQGHN) quản lý [1], các môn học lý thuyết tiếng Nga theo quy định chung được đặt trong khối kiến thức chung của nhóm ngành và bao gồm các môn học sau:

1) các môn học bắt buộc:

* Ngôn ngữ học Nga 1 (với 3 phân môn Ngữ âm, Cấu tạo từ, Hình thái học, được giảng dạy ở học kỳ 5);

* Ngôn ngữ học Nga 2 (là môn học về các vấn đề cú pháp tiếng Nga, được giảng dạy ở học kỳ 6);

2) các môn học tự chọn (được giảng dạy vào học kỳ 7 hoặc học kỳ 8):

* Từ vựng học tiếng Nga,

* Văn phong học tiếng Nga,

* Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại,

* Ngữ dụng học tiếng Nga,

* Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt.

Trong số các môn tự chọn nêu trên sinh viên có thể đăng ký chọn 1-2 môn. Và với giá trị của mỗi môn học trong Khối kiến thức này là 3 tín chỉ tương đương với 45 tiết lên lớp, tổng số tiết học dành cho các môn học lý thuyết tiếng Nga tại Khoa NN&VH Nga là 135-180 tiết. Nếu đem so sánh với các chương trình đào tạo của Nga, có thể thấy rõ sự chênh lệch về số lượng môn học cũng như tổng thời lượng tiết học dành cho toàn bộ các môn học này nói chung, từng môn trong số đó nói riêng. Cụ thể là, so với chương trình đào tạo ngành "Ngôn ngữ học" («Лингвистика») của Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc dành cho sinh viên nước ngoài, chương trình của Khoa NN&VH Nga cho thấy sự thua kém đáng kể thể hiện ở cả tổng số môn học lý thuyết tiếng trong chương trình lẫn số lượng tín chỉ và ứng với nó là số lượng tiết học dành cho các môn học này. Nếu tổng số môn học ở Khoa NN&VH Nga là 7 môn, trong đó có 2 môn bắt buộc, 5 môn tự chọn, thì trong chương trình của Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc có tới 18 môn học, trong đó có 8 môn bắt buộc, 10 môn tự chọn (có thể chọn tối đa 6 môn) với số tín chỉ phải học nằm trong khoảng 40 tín chỉ, tương đương khoảng 600 tiết. Đó là chưa kể đến một loạt các môn học cung cấp các kiến thức ngôn ngữ học đại cương khác mà trong Chương trình đào tạo của Khoa NN&VH Nga không có [2]. Trong một chương trình đào tạo khác thuộc ngành Ngôn ngữ học, chuyên ngành Phiên dịch của Trường Đại học Sư phạm thành phố Moskva, tổng số tiết học cho các môn lý thuyết tiếng Nga tuy không bằng Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc, song cũng lớn gấp 2 lần so với Khoa NN&VH Nga (xấp xỉ 350 tiết) [3].

Mới chỉ xét ở một khía cạnh như vậy thôi cũng đã đủ thấy rằng các chương trình đào tạo của Khoa NN&VH Nga khó có thể cung cấp cho sinh viên được lượng kiến thức lý thuyết sâu sắc và toàn diện về tiếng Nga đúng theo yêu cầu của một trường chuyên ngữ. Tuy nhiên, theo chúng tôi điều đó có lẽ cũng không cần thiết, vì trong thực tế hiện nay, để tìm được công việc bằng tiếng Nga sau khi ra Trường, người học chủ yếu cần một vốn kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng chắc chắn. Nhu cầu đối với các công việc đòi hỏi phải nắm tương đối sâu, rộng các kiến thức lý thuyết tiếng Nga (như giảng dạy ở các bậc học, công tác tại các cơ quan nghiên cứu v.v.) không nhiều. Trong khi đó, với thời lượng giờ dạy các môn thực hành tiếng tại Khoa NN&VH Nga như hiện nay (1080 tiết lên lớp), sinh viên (đặc biệt là các sinh viên đầu vào tiếng Anh) khó lòng có thể đạt được mức độ thực sự nhuần nhuyễn tiếng Nga ở cả 4 kỹ năng, ngay chỉ với các cấp độ B1-B2 theo khung tham chiếu châu Âu, chứ chưa nói đến cấp độ cao hơn. Các môn học này theo quy định chung của Trường lại được giảng dạy trong 4 học kỳ đầu tiên. Trong 2 năm cuối sinh viên chỉ học các môn chuyên ngành. Trình độ tiếng hạn chế của sinh viên khi bắt đầu học các môn chuyên ngành cũng tạo rào cản rất lớn cho việc tiếp thu kiến thức của các môn học này.

Tất cả những yếu tố nêu trên khiến cho việc giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Nga trong chương trình đào tạo tại Khoa cần phải được xem xét lại để:

* Có nội dung phù hợp hơn với trình độ của sinh viên, thực tế yêu cầu công việc tương lai của họ, cũng như thời lượng lên lớp;

* Tăng cường khả năng hỗ trợ sinh viên đạt được cấp độ thực hành tiếng cần thiết, hay ít nhất cũng duy trì ở mức tối đa cơ hội cho họ được tiếp xúc với tiếng Nga ở các năm cuối.

Nói cách khác, cần giảm tải chương trình, giảm bớt tính hàn lâm, tăng tính thực dụng, thực hành của các môn học chuyên ngành nói chung, lý thuyết tiếng Nga nói riêng, tạo sự liên thông với các môn học khác, trước tiên là các môn thực hành tiếng. Và đây chính là hướng đi mà Bộ môn Ngôn ngữ Nga (chịu trách nhiệm giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Nga), theo đuổi những năm gần đây. Hơn nữa, chính việc tạo sự liên thông này ít nhiều cũng sẽ giúp sinh viên có thêm động lực học các môn lý thuyết tiếng Nga, vốn được coi là những môn học thuộc dạng khô khan, “khó nhằn” nhất trong chương trình đào tạo. Khi sinh viên nhìn thấy tác dụng rộng rãi của môn học, hiệu quả thực tế mà nó mang lại chắc chắn họ sẽ cảm thấy hứng thú hơn với môn học.

Trước khi tiếp tục xem xét những thay đổi cụ thể trong việc giảng dạy các môn lý thuyết tiếng Nga tại Khoa chúng tôi, cần phải nói rằng, theo nhìn nhận của chúng tôi, nhiệm vụ chính của các môn lý thuyết tiếng là giúp sinh viên hiểu được bản chất của ngôn ngữ mà họ nghiên cứu, những đặc điểm của nó ở các cấp độ ngôn ngữ, trang bị cho họ năng lực ngôn ngữ học để từ đó giúp họ phát triển khả năng thực hành tiếng, cũng như có nền tảng hiểu biết để phục vụ cho việc giảng dạy hay nghiên cứu sau này của mình. Quả thực, kiến thức tương đối chuyên sâu về hệ thống ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng tiếng Nga mà các môn học này mang lại giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về ngôn ngữ này, cho họ chìa khóa chung để giải mã những hiện tượng đơn lẻ mà họ gặp khi học và thực hành ngôn ngữ. Việc nhìn nhận mọi vấn đề riêng biệt một cách có hệ thống sẽ giúp họ dễ dàng hơn trong việc học tiếng. Tuy nhiên, theo truyền thống, các môn lý thuyết tiếng Nga thường được giảng dạy theo kiểu hàn lâm, tách rời với các môn học khác, chưa tạo cho sinh viên khả năng liên hệ, ứng dụng các kiến thức có được để soi sáng các vấn đề thực hành. Và do vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để tăng tính tương tác, liên thông giữa các môn lý thuyết tiếng với các môn học khác, đặc biệt là các môn thực hành tiếng, mà vẫn không đánh mất đặc thù của chúng, vẫn đảm bảo truyền đạt được những kiến thức cơ bản của môn học đến sinh viên. Để giải quyết được nhiệm vụ nêu trên trong tất cả các khâu của quá trình giảng dạy môn học, từ xây dựng đề cương, lựa chọn ngữ liệu, giáo trình, đến áp dụng phương pháp giảng dạy, xây dựng hệ thống bài tập, quy trình kiểm tra đánh giá, đều cần phải có những thay đổi phù hợp.

Trong khảo sát mà chúng tôi đã thực hiện vào học kỳ II năm học 2011-2012, sau khi bước đầu đã có những thay đổi trong nội dung và phương pháp giảng dạy môn *Ngữ âm - Cấu tạo từ - Hình thái học* (tương ứng với môn Ngôn ngữ Nga 1 trong Chương trình đào tạo đã được điều chỉnh cuối năm 2012 [1]), trong số 24 sinh viên được hỏi: *Môn học này có giúp cho việc hệ thống hóa kiến thức và học tốt hơn các môn thực hành tiếng hay không?*, có 6/24 sinh viên (chiếm 25%) trả lời “Một chút” và 18/24 sinh viên (chiếm 75%) trả lời là “Có”, không có sinh viên trả lời “Không” [4]. Từ đó đến nay, chúng tôi đã liên tục có những đổi mới trong việc giảng dạy các môn lý thuyết tiếng tại Khoa và đã cảm nhận được những chuyển biến tích cực nhất định trong chất lượng giảng dạy, đặc biệt là với môn Ngôn ngữ học Nga 1, là môn học mà chúng tôi muốn đề cập sâu hơn trong bài viết của mình.

Với môn học này, khi xây dựng đề cương môn học theo hướng tăng tính liên thông với các môn học khác, mà trước tiên là với các môn thực hành tiếng, chúng tôi đã cố gắng xác định độ rộng và độ sâu của các phần kiến thức, làm rõ các kiến thức lý thuyết cơ bản nào sinh viên cần nắm vững, mạnh dạn loại bỏ các kiến thức quá hàn lâm, không thiết thực, không giúp sinh viên nâng cao khả năng thực hành ngôn ngữ. Chẳng hạn như, nhận thấy sinh viên gặp nhiều

khó khăn trong việc sử dụng các ngữ điệu tiếng Nga, từ năm học 2013-2014 chúng tôi đã loại bỏ hẳn, hoặc giảm bớt yêu cầu đối với một số nội dung ít thiết thực như cấu tạo của bộ máy phát âm, phân loại nguyên âm, phụ âm, và thay vào đó là bài giảng về hệ thống ngữ điệu trong tiếng Nga kèm các bài tập thực hành.

Việc lựa chọn ngữ liệu phù hợp mục tiêu mới của môn học để đưa vào giáo trình, cũng như bài giảng là rất quan trọng. Nếu trước đây ngữ liệu, ví dụ minh họa thông thường được lấy từ các tác phẩm văn học với ngôn ngữ được coi là chuẩn mực, thì nay, với mục tiêu dạy các môn lý thuyết đã thay đổi, cùng với trình độ sinh viên không còn cao như trước, thì giáo viên khi biên soạn giáo trình và bài giảng, song song với các ví dụ, ngữ liệu từ các tác phẩm văn học, có thể lựa chọn các từ, cụm từ mới, thông dụng, các câu danh ngôn, các triết lý sống, truyện cười, các câu chuyện ngụ ngôn phù hợp với lứa tuổi, mối quan tâm của sinh viên (về tình yêu, tình bạn, cuộc sống...). Ngữ liệu còn có thể được chọn theo các chủ điểm mà sinh viên đang học ở môn học khác (như văn học, đất nước học...), để họ được thêm một lần tiếp xúc và nhờ đó nắm vững hơn kiến thức của các môn học này. Định hướng lựa chọn ngữ liệu như trên có thể góp phần làm tăng hứng thú học các môn lý thuyết tiếng của sinh viên.

Với mục tiêu giảm lý thuyết, tăng tính thực hành, đặc biệt tăng tính liên thông với các môn học khác trong chương trình đào tạo, chúng tôi dành sự quan tâm đặc biệt đến việc biên soạn bài tập. Ngoài việc phục vụ cho môn lý thuyết tiếng, chúng đồng thời còn phải hỗ trợ rèn luyện kiến thức, kỹ năng các môn học khác. Dưới đây chúng tôi xin dẫn ra 1 vài ví dụ minh họa cho việc kết hợp này.

2) Trong phân môn Ngữ âm khi, sau khi đã giới thiệu cho các em đặc điểm của hệ thống ngữ điệu trong tiếng Nga chúng tôi gửi cho sinh viên các bài tập nghe do chúng tôi biên soạn trên cơ sở ngữ liệu của một cuốn sách dạy ngữ điệu hội thoại tiếng Nga [5]. Ví dụ như bài tập dưới đây:

Отдых

Задание 12. Прослушайте диалог 2 раза и выберите правильный вариант ответа.

Петя не поехал в Абрамцево,

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------|
| 1. Потому что проспал. | 3. Потому что обиделся. |
| 2. Потому что плохо себя чувствовал. | 4. Потому что передумал. |
1. Что делали ребята в лесу?
- | | |
|----------------------------|----------------------|
| 1. Собирали грибы и ягоды. | 3. Купались и спали. |
| 2. Гуляли и купались. | 4. Готовили. |
2. Что там понравилось ребятам?
- | | |
|-----------|------------------------|
| 1. Музей. | 3. Лес, грибы и ягоды. |
| 2. Парк. | 4. Музей, парк, лес. |
3. Что Наташа собирается посетить в следующее воскресенье?
- | | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| 1. Еще не знает. | 3. Эрмитаж. |
| 2. Наверное, Пушкинский музей. | 4. Выставку русских художников. |
4. Пойдет ли Петя с Наташей в следующее воскресенье?
- | | |
|------------------------|---|
| 1. Обязательно пойдет. | 3. Если со здоровьем все будет в порядке. |
| 2. Еще не решил. | 4. Если не будет занят. |

Sau khi cho sinh viên 2 tuần để làm các bài tập nghe với mục đích giúp các em có thêm cơ hội luyện tập khả năng nghe hiểu của mình, chúng tôi gửi các em đáp án và toàn bộ văn bản các em đã nghe. Các văn bản này đều được đánh trọng âm, ngữ điệu:

Отдых

– Алло², / Пе³тя? Здра²вствуй! У тебя что-нибудь случи³лось? Почему⁽²⁾ ты не поехал с нами в Абра²мцево?

– А²-а, / это ты³, Наташа? Здра²вствуй! Ты зна³ешь, / у меня утром так болела голова³, / что пришлось остаться до¹ма, / представля³ешь? Я был так расстро³ен.

– Оби²дно, конечно. Ну, ничего², / съездишь как-нибудь в друго⁽²⁾й ра²з.

– Ну а как вы⁴ съездили? Вам понра³вилось в Абрамцеве?

– Прекра²сно! Мы все очень дово¹льны поездкой. Како⁵й там прекрасный музей! Како⁵й парк! Очень жа²ль, что ты этого не видел.

– Конечно, жа²ль. Ну а в лес вы ходи³ли?

– А ка²к же. О²й, / грибов⁽³⁾ сейчас в лесу, / я⁽³⁾год! Приходи, / угощу².

– Спаси²бо. Ну а какие у тебя планы на сле⁽⁴⁾дующее воскресенье?

– Пока ещё не реши⁽¹⁾ла, / но скорее всего пойду в Пушкинский музе¹й. Говорят, там сейчас выставка французских импрессиони³стов / из петербургского Эрмита²жа. Х³очешь пойти со мной?

– С удово²льствием, / если, конечно, опя²ть не заболёу.

– Ну ты уж, пожалуйста, больше не боле²й, / хорошо³?

– Постара¹юсь. [5]

Các em được yêu cầu nghe, đọc theo cho đúng ngữ điệu và vào cuối các giờ học chúng tôi dành một khoảng thời gian để các em bắt thăm hội thoại và đọc theo cặp để lấy điểm.

Ngoài bài tập được chuẩn bị trước này, sinh viên còn phải đọc các câu mà giáo viên yêu cầu theo ngữ điệu định trước, hoặc phải tự chọn ngữ điệu phù hợp để thể hiện các câu đó. Ví dụ như các bài tập dưới đây:

Прочитайте вопросы с правильной интонацией. Дайте на них ответы.

- Ты³ пойдёшь со мной в кино?

- Ты пойдё³шь со мной в кино?

- Ты пойдёшь со мно³й в кино?

- Ты пойдёшь со мной в кино³?

Прочитайте предложения.

- Мы были в Москве¹, Ки¹еве, Ми¹нске, Воро¹неже.

- Мы были в Москве², Ки²еве, Ми²нске, Воро¹неже.

- Мы были в Москве³, Ки³еве, Ми³нске, Воро¹неже.

- Мы были в Москве⁴, Ки⁴еве, Ми⁴нске, Воро¹неже.

- Мы были в Москве⁶, Ки⁶еве, Ми⁶нске, Воро¹неже.

Прочитайте диалог.

- Он уже зако³нчил письмо?

- Да како⁷е там закончил! Он даже не начина²л ещё. (Да како⁷е там закончил! Куда⁷ там закончил! Да где⁷ там закончил!)

С какими ИК можно прочитать следующее предложение? В какой ситуации употребляется каждая из этих ИК?

Какая сегодня погода

Khi cho sinh viên thực hiện các bài tập trên, giáo viên có cơ hội giúp từng em nhìn thấy những nhược điểm trong phần ngữ âm của mình và phần nào biết cách khắc phục chúng. Phản hồi của sinh viên về dạng bài tập này là tương đối tốt. Sinh viên ý thức hơn về trọng âm, ngữ điệu khi phải đọc, nói tiếng Nga, và có những tiến bộ nhất định ở mảng này. Như vậy là, với các hình thức bài tập nêu trên sinh viên không chỉ được củng cố các kiến thức lý thuyết mà còn được rèn luyện thêm các kỹ năng thực hành ngữ âm.

3) Đối với phân môn Cấu tạo từ với 2 nhiệm vụ chính là giúp sinh viên biết cách xác định thành phần hình vị của từ và phương thức cấu tạo từ, bên cạnh các bài tập với mục đích đơn thuần để giúp sinh viên nhuần nhuyễn các kiến thức cần thiết trên, chúng tôi cũng thường xây dựng hệ thống các bài tập tổng hợp xoay quanh ngữ liệu là 1 bài khóa (được lựa chọn sao cho hấp dẫn và bổ ích về mặt nội dung), trong đó có những dạng bài có mục đích phụ là giúp tăng cường khả năng đọc hiểu, củng cố kiến thức ngữ pháp, từ vựng của sinh viên. Dưới đây là ví dụ về 1 bài tập tổng hợp như vậy:

Прочитайте текст и выполните задания.

Задание 1. Заполните пропуски словами, образованными из слов в скобках. Определите, какими способами образованы эти слова и с помощью каких морфем.

Кто обязательно добьётся успеха?

Что определяет судьбу человека, его успех у жизни?

Во-первых, характер. Недаром русская пословица гласит: «посеешь характер – пожнешь судьбу». Сегодня (1. психология)..... все больше склоняются к мнению, что добиваются успеха чаще всего те, кто обладает определенными чертами характера. Можно сказать, что именно характер человека помогает ему добиться успеха. Это прежде всего:

(2. стремиться)..... идти к цели, не останавливаясь перед преградами;

* способность (3. видеть)....., как будут (4. развивать)..... события;

* особая «(5. гибкий)»: всегда точное (6. понимать), когда надо признать свое поражение или пойти на компромисс, а когда быть очень упорным и стоять на своем;

* способность (7. *контакт*) с окружающими. Основа такой способности – (8. *уметь*) понять (9. *психология*) особенности людей;

* незаурядная способность убеждать других;

* (10. *физика*) выносливость.

Во-вторых, (11. *знать*) нескольких простых правил (12. *выбирать*) в жизни, которые также во многом определяют успех человека:

* переезд из маленького города в большой, (13. *особенный*)..... переезд в столицу. Перемещение в центр событий с окраин (14. *увеличить*) возможность успеха в 10 раз;

* (15. *учить*)..... в престижном вузе на престижном факультете;

* место работы: работа там, где перекресток событий, денег, инвестиций.

Задание 2. Какие слова могут быть образованы непосредственно к следующим взятым из текста словам? Укажите способ образования этих слов: успех, сегодня, характер, простой, обладать.

Задание 3. Сделайте транскрипцию следующих слов, затем определите их морфемный состав и основу, и укажите тип служебных морфем по выполняемой функции в слове и по характеру выражения и определите, от каких слов они образованы и с помощью какого способа словообразования: жизнь, работа, убеждать, пойти.

Với các bài tập trên đây chúng tôi kì vọng rằng người học không chỉ được ôn luyện lại các kiến thức ngữ âm, cấu tạo từ mà còn cả các kiến thức ngữ pháp (thể hiện qua việc phải xác định từ loại của từ cần cấu tạo và dạng thức ngữ pháp phù hợp của nó), từ vựng (thể hiện qua việc sinh viên biết thêm hoặc ôn lại các từ cùng gốc, nghĩa của chúng).

4) Nguyên tắc tận dụng tối đa ngữ liệu để sinh viên một mặt được rèn luyện các kiến thức lý thuyết tiếng, mặt khác thu nhận được thêm các kiến thức bổ ích cho bản thân, ôn luyện thêm các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cần thiết cũng được chúng tôi áp dụng khi dạy phân môn Hình thái học. Ví dụ dưới đây là một bài ôn tập trước khi thi cuối kỳ. Tất cả các bài tập đều được xây dựng trên nền 1 bài khóa với nội dung về mối liên hệ giữa thức ăn và hoạt động của bộ não, bài khóa chứa các thông tin bổ ích cho sinh viên khi ôn thi.

Прочитайте текст, попытайтесь понять его содержание и выполните задания.

ПиЩа и МОЗГ

Знаете **ли** вы, что *деятельность* мозга можно стимулировать с помощью обычной пищи?

Морковь улучшает память, облегчает *заучивание* наизусть. Если **вам нужно** запомнить большой текст, **съешьте перед** этим салат из моркови с растительным маслом.

Орехи **особенно** хороши, если вы собираетесь в *путешествие*, и вам **долго** придётся вести машину. Они укрепляет нервную систему.

Капуста успокаивает нервную систему. Если вы хотите спокойно подготовиться к экзаменам, **не** забывайте есть в период сессии салат из капусты.

Лимон освежает мысли и облегчает **восприятие** информации. Перед занятиями иностранном языком неплохо выпить стакан лимонного сока.

Положительные и отрицательные эмоции также можно регулировать с помощью различных продуктов. Врачи рекомендуют: **если** вы хотите поддержать своё хорошее *настроение*, то здесь *бананы* – ваш замечательный помощник.

ЗаДания.

- 1) Определите разряд выделенных **жирным шрифтом** прилагательных.
- 2) Определите разряд выделенных *курсивом* нарицательных существительных.
- 3) Определите часть речи подчеркнутых слов.
- 4) Определите морфемный состав следующих слов из текста:
- 5) мозг, заучивание, нервный, ли, долго, подготовиться
- 6) Определите, от каких слов образованы следующие слова из текста и с помощью какого способа словообразования: *заучивание, собираться, нервный, лимонный, спокойно, запомнить, улучшать*

1. Определите, какое слово пропущено в словообразовательной цепочке:

- лучший **а** **а** *улучшать*

- лёгкий **а** *облегчить* **а**

- **а** *отрицательный* **а**

2. Определите падежное значение выделенных существительных в следующих словосочетаниях из текста (и не только):

Морковь улучшает память.

деятельность мозга

облегчать заучивание наизусть

салат из моркови

собираться в путешествие

улучшение памяти

вести машину

подготовиться к экзаменам

восприятие информации

Бананы – ваш замечательный помощник.

Phương châm chính mà chúng tôi theo đuổi là tận dụng các ngữ liệu, chủ yếu là các bài khóa, để biên soạn các loại hình bài tập đa dạng nhằm đạt một lúc nhiều mục đích. Ngữ liệu cần chuẩn về mặt ngôn ngữ, không quá khó với sinh viên và chứa các thông tin thú vị, bổ ích. Với các bài tập như vậy song song với các kiến thức lý thuyết tiếng sinh viên còn có thể thu nhận được thêm các kiến thức khác hoặc được rèn luyện, củng cố thêm một số kiến thức và kỹ

năng ngôn ngữ nhất định, giờ học qua đó cũng hấp dẫn hơn.

Ngoài ra, để khơi gợi hứng thú của sinh viên với các tác phẩm văn học Nga, hỗ trợ thêm cho bộ môn này, giáo viên các môn lý thuyết tiếng Nga cũng có thể xây dựng các bài tập dựa trên các đoạn trích được lựa chọn từ một tác phẩm văn học Nga có giá trị. Dưới đây là một số bài tập chúng tôi đã biên soạn dựa trên truyện vừa "Bim trắng Tai đen" của nhà văn Nga G. Troeponxki [6]. Các đoạn trích được lựa chọn sao cho gắn liền với một số sự kiện chính trong cuộc đời chú chó đáng yêu, hấp dẫn về mặt nội dung với hi vọng sẽ khơi gợi được trí tò mò của sinh viên để họ đọc cuốn truyện thú vị này hoặc ít nhất cũng xem bộ phim cùng tên được chuyển thể từ tác phẩm này.

Задание 1. Прочитайте отрывок из повести «Белый Бим Черное ухо» и сделайте морфемный разбор выделенных слов и словоформ.

Он уже любил, когда хозяин с ним разговаривал, но понимал пока всего лишь два слова: «Бим» и «нельзя». И все же очень, очень интересно наблюдать, как свисают на лоб белые волосы, шевелятся добрые губы и как прикасаются к шерстке теплые, ласковые пальцы. Зато Бим уже абсолютно точно умел определить - веселый сейчас хозяин или грустный, ругает он или хвалит, зовет или прогоняет.

Задание 2. Определите, от каких слов образованы выделенные слова и с помощью какого способа словообразования.

А. Так они и жили вдвоем в одной комнате. Бим рос крепьшом. Очень скоро он узнал, что хозяйина зовут «Иван Иванович». Умный щенок, сообразительный. И мало-помалу он понял, что ничего нельзя трогать, можно только смотреть на вещи и людей. И вообще все нельзя.

Б. Дни шли за днями. Бим их уже не замечал. Он регулярно обследовал город и узнал его во всех подробностях. Теперь он ходил по заранее намеченному маршруту. Если бы люди догадались, то они могли бы проверять по Биму свои часы. Появись он у парка - пять утра, у вокзала - шесть, у завода - половина восьмого, на проспекте - двенадцать, на левобережье - четыре часа дня и так далее.

Задание 3. Определите, к каким частям речи относятся выделенные слова.

Как-то после охоты Иван Иванович пришел домой, накормил Бима и лег в постель, не поужинав и не выключив свет. В тот день Бим здорово наработался, потому быстро уснул и ничего не слышал. Но в последующие дни и Бим стал замечать, что хозяин все чаще ложится и днем, о чем-то печалится, иногда внезапно охнет от боли. Больше недели Бим гулял один, неподолгу - по надобности. Потом Иван Иванович слег, он еле-еле доходил до двери, чтобы выпустить или впустить Бима. Однажды он простонал в постели как-то особенно тоскливо. Бим подошел, сел у кровати, внимательно посмотрел в лицо друга, затем положил голову на вытянутую его руку. Он увидел, какое стало у хозяйина лицо: бледное бледное, под глазами темные каемки, небритьй подбородок заострился.

Như vậy, có thể thấy, nếu biết lồng ghép khéo léo các bài học lý thuyết với thực hành, tăng cường tính đa chức năng của ngữ liệu và kiến thức, thì có thể vẫn giữ hoặc thậm chí tăng hiệu quả của giờ dạy môn lý thuyết tiếng, và đồng thời lại hỗ trợ được phần nào cho việc củng cố kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng và 1 số kỹ năng, năng lực khác cho sinh viên - điều đặc

biệt cần thiết đối với sinh viên Khoa NN&VH Nga khi theo chương trình đào tạo mới các môn thực hành tiếng chỉ được giảng dạy trong 2 năm đầu với thời lượng hết sức hạn chế. Ngoài ra, khi tăng tính liên môn chúng ta có thể rèn luyện cho sinh viên khả năng liên hệ, áp dụng các kiến thức từ môn học này sang môn học khác. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, xây dựng được một môn học lý thuyết tiếng theo hướng này là một công việc không hề đơn giản, và không phải tìm tòi, đổi mới nào của giáo viên cũng đem đến hiệu quả như mong muốn. Song rõ ràng đây là một hướng đi phù hợp, nhiều triển vọng và cần được lưu tâm trong giảng dạy môn lý thuyết tiếng Nga nói riêng, các môn học khác nói chung trong bối cảnh hiện nay như một biện pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tài Liệu THAM KH ẢO

1. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga và Sư phạm tiếng Nga (ban hành kèm theo Quyết định số 4062/QĐ-ĐT ngày 29/11/2011 của Giám đốc ĐHQGHN)
2. Рабочий учебный план на 2010 - 2011 учебный год по направлению 031100 «Лингвистика» для иностранных студентов Российского университета дружбы народов. <http://www.rudn.ru>
3. Образовательная программа высшего образования по направлению Лингвистика, профиль “Перевод и переводоведение” Московского городского педагогического университета. <https://www.mgpu.ru/materials/34/34350.pdf>
4. Kết quả khảo sát sinh viên QH.2011 về môn học Ngữ âm - Cấu tạo từ - Hình thái học. (2012) Bộ môn Ngôn ngữ Nga, Khoa NN&VH Nga, Trường ĐHNN - ĐHQGHN.
5. Муханов И. Л. (1995), Интонация в практике русской диалогической речи, “Русский язык. Курсы”, Москва.
6. Г. Троепольский. Белый Бим Черное ухо. <http://www.rulit.me/books/belyj-bim-chnoe-uh-read-9774-1.html>